

Bản án số: 1138/2024/HC-PT

Ngày 30 - 9 - 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số MERGEFIELD Số_thụ_ly_502/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2515/2024/QĐPT-HC ngày 9 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Trang Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu G, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú Ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K; địa chỉ: số F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh K (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Lư Thị Trang Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy Ban nhân dân phường A; địa chỉ Khu phố C, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang M, chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường A (có mặt).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3; địa chỉ Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang M1, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trang Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trang Thanh H và người được ủy quyền ông Phạm Hữu G trình bày:

Ông Trang Thanh H có diện tích đất 30.000m² tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, đất có nguồn gốc do vợ, chồng ông Hồ Phương V và bà Nguyễn Kim K khai phá từ năm 1990 diện tích 23.000m². Ngày 17/3/2003 ông V, bà K làm giấy tay chuyển nhượng diện tích đất này cho ông Trang Thanh H, cũng năm 2003 ông Trang Thanh H khai khẩn thêm diện tích 7.000m². Năm 2005 Đoàn đo đạc của tỉnh Kiên Giang đã tiến hành khảo sát xác định ranh giới đất trên thực địa diện tích đất này, ông H có đứng tên trên sơ đồ 15, toàn bộ diện tích đất này ông H là người quản lý sử dụng trực tiếp từ lúc chuyển nhượng, khai khẩn cho đến nay.

Quá trình sử dụng ông H đã tiến hành cải tạo toàn bộ khu đất, cào lớp bùn hữu cơ bề mặt đáy, đổ hơn 130.000m³ đất để nâng cát nền cao trung bình 4m toàn bộ diện tích đất, mua đất hữu cơ phủ trên bề mặt đất, trồng nhiều loại cây ăn trái như X, Ô, S, M2..., xây dựng hệ thống ống nước tưới cây, các công trình trên đất như: Nhà để xe 800m²; Bãi chứa vật liệu xây dựng 1.000m²; Dãy nhà ở có diện tích 360m²; 02 bể nước có thể tích 125m³.

Năm 2014 ông Trang Thanh H thành lập Công ty TNHH H4 có trụ sở đặt tại khu đất này với ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển san lấp mặt bằng, vật liệu xây dựng, xe cuốc làm ca, đầu kéo công và kinh doanh liên tục từ khi thành lập cho đến nay.

Ngày 19/9/2022 Ủy ban nhân dân (UBND) phường A đến lập Biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC về việc lấn chiếm đất đai với diện tích 24.278,12m².

Ngày 28/3/2023 Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ đối với diện tích 24.278,12m² và buộc khắc phục hậu quả khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ông Trang Thanh H khẳng định không có hành vi bao chiếm đất do UBND phường A quản lý như nội dung quyết định, đất này ông H ở và sử dụng từ năm 2003, có tên trên sơ đồ 15 từ năm 2005, ông H chưa từng nhận được bất cứ quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến khu đất này. Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhưng chưa thẩm tra, xác minh rõ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án, ông H còn nhận thêm Quyết định số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nên đã khởi kiện bổ sung.

Ông Trang Thanh H yêu cầu giải quyết hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có văn bản trình bày về nội dung khởi kiện của ông Trang Thanh H như sau:

1. Tại Văn bản số 724/UBND-NC ngày 24 tháng 4 năm 2023 thể hiện:

- Tại Biên bản làm việc, ghi lời trình bày của ông Trang Thanh H do UBND phường A lập ngày 16/5/2022 thể hiện nội dung ông H trình bày: “Năm 2003, gia đình ông mua diện tích đất 30.000 m² (3 ha) của ông Hồ Phương V, phần đất này trước đó ông V đã quản lý, sử dụng hơn 10 năm, trong suốt quá trình gia đình ông quản lý, sử dụng từ năm 2003 đến nay, gia đình ông đã tiến hành cải tạo san lấp, trồng cây và xây dựng các công trình trên đất nhưng chưa từng nhận được bất kỳ quyết định thu hồi đất nào của cơ quan có thẩm quyền”.

- Tại Giấy mua bán đất thành quả lao động trên mặt đất lập giữa vợ, chồng ông Hồ Phương V với ông Trang Thanh H chỉ thể hiện nội dung: “Hôm nay ngày 13/7/2003 tại thị trấn A, vợ chồng tôi có nhượng lại miếng đất cho ông bà Trang Thanh H, thường trú xóm I, khu phố C, thị trấn A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang: Tổng diện tích đất ngang 125 m, dài 171 m, tổng cộng 23.000 m² hai mẫu ba. Đông giáp anh K1, B giáp suối”, mà không thể hiện nội dung gì về việc sang nhượng đất tại vị trí nào và việc sang nhượng này cũng không được chính quyền địa phương xác nhận.

- Theo hồ sơ vụ việc thể hiện vào hồi tháng 03/2003, ông Hồ Phương V vào bao chiếm đất, chặt phá, phát trắng khu đất rừng tràm áp G, xã A thuộc Tiểu khu A Rừng phòng hộ P và bị Hạt Kiểm lâm lập biên bản về hành vi vi phạm hủy hoại rừng, đã ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhưng chưa khởi tố bị can do ông Hồ Phương V bỏ địa bàn đi nơi khác.

Sau đó, Ban Q đã lập hợp đồng giao khoán cho Hợp tác xã T5 vào ngày 15/3/2004, trong đó có phần diện tích đất này.

- Tại Biên bản số 17/BB-UBND ngày 17/5/2017 của UBND thị trấn A về việc giải quyết theo nội dung đơn tố cáo của ông Nguyễn Thành B1 thể hiện nội dung: “Đến năm 2005 thực hiện chủ trương của UBND tỉnh K về việc đo đạc lập bản đồ địa chính, khi đo đạc Đoàn đo đạc không quy chủ tên sử dụng đất của 05 hộ được nhận giao khoán trong bản đồ địa chính, mà chỉ quy chủ sử dụng đất những hộ sau này nhận chuyển nhượng bằng giấy tay, trong đó có ông Trang Thanh H đứng tên trên bản đồ địa chính. Từ khi đã được đo đạc tên trong bản đồ địa chính vào năm 2005, ông Trang Thanh H đã bao chiếm đất, không cho ông Nguyễn Thành B1 cùng 04 hộ được giao khoán vào sử dụng đất, tiếp tục đến năm 2016-2017 ông Trang Thanh H tiến hành chặt phá cây trồng trên đất, đổ đất san lấp và xây dựng các công trình trái phép trên đất sử dụng cho đến ngày hôm nay, đó là nguyên nhân dẫn đến việc tố cáo của ông Nguyễn Thành B1”.

Ngoài ra, tại phân kết luận thể hiện nội dung: “Không thừa nhận việc nhận chuyển nhượng bằng giấy tay giữa ông Trang Thanh H với ông Hồ Phương V vào tháng 7 năm 2003, mà hiện nay ông Trang Thanh H đang sử dụng trên phần đất có nguồn gốc sử dụng là do ông Hồ Phương V bao chiếm đất rừng phòng hộ vào năm 2003 đã được Hạt Kiểm lâm huyện P ban hành Quyết định số 04 về việc khởi tố vụ án hình sự đối với ông Hồ Phương V với tội danh hủy hoại rừng, nên việc sử dụng đất của ông Trang Thanh H là không phù hợp theo quy định của pháp luật”.

- Tại Công văn số 04/TTKT-KT ngày 12/01/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K về việc phúc đáp Công văn số 386/UBND-ĐCXD ngày 21/12/2022 của UBND phường A, thì tổng diện tích 24.278,12 m² mà ông Trang Thanh H đang bao chiếm sử dụng, sau khi cập nhật tọa độ thửa đất vi phạm lên sơ đồ hiện trạng của phương án bồi thường dự án Khu tái định cư - Khu mở rộng, thì diện tích nằm trong ranh giải tỏa là 22.417,55 m² đều nằm trong thửa đất đã đo đạc cho Hợp tác xã T5, ngoài ranh dự án là 1.860,57 m². Toàn bộ diện tích 24.278,12 m² hiện nay là đất do UBND phường A quản lý theo Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND thị trấn A.

UBND phường A lập Biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC ngày 19/9/2022 thể hiện ông Trang Thanh H thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp (loại đất thương mại dịch vụ) tại khu vực đô thị thuộc khu phố G, phường A, thành phố P với diện tích là 26.848,6 m² đất theo quy định tại điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, dựa trên cơ sở căn cứ vào biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng khu đất mà ông Trang Thanh H đang sử dụng và chỉ ranh đo đạc tại khu phố G, phường A lập vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 16/5/2022; biên bản làm việc, ghi lời trình bày của ông Trang Thanh H ngày 16/5/2022; biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng ngày 19/9/2022.

Tuy nhiên, hồ sơ lập chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo trong việc xác lập hành vi vi phạm hành chính đối với ông Trang Thanh H, cụ thể: Hồ sơ vụ việc không thể hiện được diện tích đất 26.848,6 m² ông H đang sử dụng đã được giao cho cá nhân,

tổ chức nào quản lý, sử dụng hay không nên chưa xác định được vị trí tọa độ vi phạm; việc ông H sử dụng đất thuộc trường hợp tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép hay sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép?; chưa làm rõ nguồn gốc sử dụng đất theo trình bày của ông H tại biên bản làm việc, ghi lời trình bày của ông H vào ngày 16/5/2022; đồng thời chưa xác định chính xác ngày phát hiện vi phạm là ngày 17/11/2021 hay là ngày 16/5/2022 và lý do vì sao đến ngày 19/9/2022 công chức địa chính phường A mới lập Biên bản vi phạm hành chính.

Để đảm bảo việc xác lập hành vi vi phạm hành chính đối với ông Trang Thanh H, ngày 03/10/2022 Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Công chức địa chính - xây dựng UBND phường A, thành phố P đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của ông Trang Thanh H.

Ngày 14/3/2023, Công chức địa chính - xây dựng phường A đã tiến hành lập Biên bản số 73/BB-XM xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Trang Thanh H. Theo đó kết quả xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính thể hiện nội dung như sau: Sửa đổi, bổ sung thời gian và phần diện tích đất mà ông Trang Thanh H chiếm sử dụng tại khoản 2 Biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC ngày 19/9/2022 của UBND phường A đối với ông H như sau: *“Vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 16/5/2022, tại vị trí khu đất thuộc khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện ông Trang Thanh H có hành vi chiếm đất thương mại dịch vụ thuộc nhóm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích 24.278,12 m² (đất do UBND phường A quản lý theo Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND phường A). Cụ thể trên diện tích đất 24.278,12 m² ông Trang Thanh H tự ý sử dụng, trồng cây, xây dựng xưởng lắp ráp, nhà cấp 4, đào ao nuôi cá đã được mô tả theo Biên bản đo đạc do UBND phường A lập ngày 29/11/2022”*.

Qua kết quả kiểm tra đo đạc xác định lại hiện trạng thực tế thể hiện tại Biên bản đo đạc do UBND phường A lập ngày 29/11/2022, phần diện tích đất ông Trang Thanh H đang sử dụng hiện nay có tổng diện tích là 24.278,12 m², không phải 26.848,6 m², còn lại phần diện tích 2.570,48 m² hiện nay do các hộ gia đình, cá nhân khác đang quản lý sử dụng. Thực tế ông Trang Thanh H đang tác động, bao chiếm sử dụng đối với diện tích 24.278,12 m² đất của UBND phường A quản lý. Từ đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trang Thanh H (do hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính) là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

2. Tại Văn bản số 2233/UBND-NC ngày 13 tháng 11 năm 2023 thể hiện:

Ngày 28/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 824/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trang Thanh H. Quyết định được triển khai và giao cho cá nhân vi phạm vào ngày 04/4/2023.

Theo quy định tại Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì thời hạn tự nguyện thi hành

quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã hết nhưng ông Trang Thanh H không tự nguyện thi hành việc trả lại đất. UBND phường đã làm việc và lập Biên bản số 225/BB-UBND ngày 19/5/2023 về việc kiểm tra thực hiện việc thi hành quyết định, từ đó mới ban hành Quyết định số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh K đề nghị giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H.

Tại Văn bản số 20/UBND-ĐCXD ngày 17 tháng 01 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A trình bày:

Ngày 12/11/2021 UBND phường A xây dựng Kế hoạch số 70/KH- TCT về việc thực hiện đảm bảo an ninh trật tự thi công xây dựng hàng rào tôn và san lấp mặt bằng dự án Khu dân cư V tại xã D và phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang và ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 về việc thành lập tổ công tác thực hiện Kế hoạch số 70/KH-TCT.

Trong quá trình thực hiện gia đình ông Trang Thanh H đã ngăn cản. UBND phường A chỉ đạo Công chức Địa chính - Xây dựng phường tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng khu vực thửa đất và tổ chức làm việc trực tiếp với ông Trang Thanh H.

Ngày 19/9/2022, Công chức Địa chính – Xây dựng tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Trang Thanh H và chuyển đến người có thẩm quyền đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trang Thanh H.

Ngày 3/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh có Giấy ủy quyền số 1809/GUQ-UBND về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính.

Ngày 29/11/2022, UBND phường A tiến hành đo đạc, kiểm tra hiện trạng khu đất mà ông Trang Thanh H thừa nhận đang trực tiếp sử dụng và chỉ ranh đo đạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, diện tích đất vi phạm của ông Trang Thanh H nằm trong ranh giải tỏa là 22.417,55m², ngoài ranh dự án là 1.860,57m², toàn bộ diện tích 22.417,55m² đều nằm trong thửa đất đã đo đạc cho Hợp tác xã T5. Diện tích thực tế ông Trang Thanh H đang chiếm là 24.278,12m², phần diện tích trừ đi là 2.570,48 m² được UBND phường A xác định là một phần đất thuộc hộ ông Nguyễn Tiến D và Hồ Phi T đang quản lý sử dụng và UBND thành phố P đã ban hành thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội cho 02 hộ này, phần còn lại là hiện trạng đường dân sinh.

Diện tích 24.278,12m² ông Trang Thanh H chiếm có nguồn gốc: Năm 1998 là đất rừng phòng hộ quản lý theo Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh K giao cho Ban Q quản lý. Ngày 15/3/2004 ông Huỳnh Thành L đứng tên đại diện làm đơn xin nhận khoán đất lâm nghiệp và được Ban Q ký Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ. Sau đó Hợp tác xã thuê xe cuốc (cụ thể là thuê xe cuốc của hộ ông Vũ Văn T1) để bấp bờ, lên liếp và trồng cây trên khu vực đất nhận giao khoán.

Năm 2005 ông Trang Thanh H có lập thủ tục đăng ký kê khai đo đạc vị trí đất này trên bản đồ địa chính (bản đồ tham khảo). Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND phường A thì phần đất ông H đăng ký đo đạc không có tên trên bản đồ địa chính, lý do vào thời điểm kê khai đo đạc bản đồ địa chính thì toàn bộ vị trí diện tích đất nằm trong ranh giới rừng phòng hộ theo Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh K giao cho Ban Q quản lý.

Ngày 26/12/2005 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2549 và 2550/QĐ-UBND Về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và trợ cấp để giải tỏa giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng khu Tái định cư – khu Mở rộng tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 03/5/2006, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND Về việc thu hồi đất để thực hiện quy hoạch xây dựng khu tái định cư tại thị trấn A - xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, trong đó có thu hồi đất của Hợp tác xã T5.

Ngày 21/5/2010, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1068/QĐ- UBND Về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu tái định cư – khu mở rộng 57,9ha tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Qua đó, Hợp tác xã T5 được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 113.634.700 đồng, ông Huỳnh Thành L làm đại diện và đã nhận tiền. Ngày 14/12/2012, UBND tỉnh K ban hành Quyết định 2601/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND thị trấn A (nay là phường A) quản lý.

Để đánh giá hiện trạng quá trình sử dụng đất, tại Công văn số 193/CV-ĐVTTW ngày 30/11/2023 của Đ1 đã thực hiện xử lý dữ liệu ảnh viễn thám và cung cấp thông tin hiện trạng lô đất ông Trang Thanh H bao chiếm tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang tại các thời điểm tháng 01 năm 2016, tháng 7 năm 2016 và tháng 12 năm 2017 với kết quả cụ thể như sau:

- Thời điểm 03/01/2016: hiện trạng lô đất là cây lâu năm, chưa có hoạt động xây dựng hoặc san lấp mặt bằng;

- Thời điểm 16/07/2016: tại lô đất có hiện tượng san lấp ở góc phía Tây của lô đất với diện tích khoảng hơn 1724 mét vuông.

- Thời điểm 10/12/2017: tại lô đất đã có nhà và ao nước, phần lớn lô đất đã được san gạt.

Ngày 04/12/2023, UBND phường A tiến hành làm việc với ông Nguyễn Minh S1 và ông Lưu Đình T2 (là T3, Phó Ban lãnh đạo Khu phố 7) nhằm xác định rõ về thời điểm chiếm đất của ông Trang Thanh H vào bao chiếm khu đất khoảng cuối năm 2016.

Cùng ngày 04/12/2023 và ngày 08/12/2023, UBND An Thới tiến hành làm việc với các thành viên tổ chức Hợp tác xã T5 nhằm xác minh quá trình quản lý, sử dụng đất của Hợp tác xã T5, thể hiện: “Tháng 6/2004 Hợp tác xã vào canh tác, bấp bờ, lên liếp và trồng cây khu vực nhận giao khoán, trong quá trình canh tác, sử dụng đến năm 2005 ông Trang Thanh H vào tranh chấp đất ngăn cản. Đến cuối tháng 7 năm 2016 ông Trang Thanh H vào bao chiếm toàn bộ diện tích đất, chặt phá, trồng cây trên đất, san lấp mặt bằng và xây dựng các công trình trái phép”, nên Hợp tác xã

T5 có đơn tố cáo ông Trang Thanh H có hành vi bao chiếm đất, xây dựng trái phép, chặt phá cây trái.

Ngày 17/5/2017, UBND phường A có Biên bản số 17/BB-UBND về việc giải quyết theo nội dung đơn tố cáo của ông Nguyễn Thanh B2, tuy nhiên vụ việc chưa được giải quyết dứt điểm, hành vi bao chiếm và hủy hoại cây trái chưa được Cơ quan có thẩm quyền giải quyết triệt để đối với đơn tố cáo của Hợp tác xã T5.

Tại Công văn số 107/ĐLPQ-KD của Điện lực P có nội dung thể hiện ông Trang Thanh H có ký hợp đồng mua bán điện số: 17/007117 ngày 09/12/2017 và hợp đồng mua bán điện số 19/003518 ngày 06/11/2019, địa chỉ sử dụng điện: Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

UBND Phường A tiếp tục xác minh về đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH H4, kết quả xác minh:

- Công ty TNHH H4 mã số doanh nghiệp: 1701969482 đăng ký lần đầu ngày 18/8/2014, địa chỉ trụ sở tại tổ B, đường N, khu phố B, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 2/11/2017, địa chỉ trụ sở tại Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 73, ấp G, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2023, địa chỉ trụ sở tại Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 73, khu phố G, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ cho thấy ông Trang Thanh H vào chiếm đất Nhà nước quản lý là khoảng cuối năm 2016. Theo đó việc ông Trang Thanh H sử dụng diện tích 24.278,12m² mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất. UBND phường A đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H.

Tại Văn bản số 22/2024/CV-HUDKGS� ngày 16 tháng 01 năm 2024, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H3 trình bày:

Về hồ sơ pháp lý của Nhà đầu tư:

Ngày 28/9/2009, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2396/QĐ-UBND về việc cho phép đầu tư dự án Khu dân cư Đ.

Ngày 15/6/2012, UBND tỉnh K ban hành Văn bản số 2284/VP-KTCN về việc điều chỉnh quy mô diện tích đầu tư tại Khu dân cư V.

Ngày 15/10/2021, UBND tỉnh K có Thông báo số 831/TB-VP kết luận của Thường trực UBND tỉnh K về việc Công ty cổ phần Đ2 chuyển đổi pháp nhân thực hiện dự án Khu dân cư V tại xã D và phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25/01/2022, Ban Q ban hành Quyết định số 20/QĐ-BQLKKTQP về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư V, tại xã D và phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, quy mô điều chỉnh 895.661,73m²;

Ngày 23/6/2022, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1559/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư V.

Ngày 07/7/2022, Ban Q ban hành Quyết định số 118/QĐ-BQLKKTQP về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu dân cư V;

Qua công tác xác minh về nguồn gốc khu đất của UBND Phường A cùng với các căn cứ, tài liệu khẳng định ông Trang Thanh H vào chiếm đất là khoảng cuối năm 2016. Việc ông Trang Thanh H sử dụng diện tích 24.278,12m² mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất, Công ty TNHH H3 đề nghị bác yêu cầu của ông Trang Thanh H để công ty thực hiện dự án theo tiến độ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 74, 86, 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H:

- Không chấp nhận hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

- Không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1524/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/3/2024, người khởi kiện ông Trang Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trang Thanh H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng đất vào năm 2003 ông H đã cải tạo đất, trồng cây, xây dựng công trình kiến trúc trên đất. Như vậy là có quá trình sử dụng ổn định, lâu dài và liên tục từ năm 2003 đến khi bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Điều này được chứng minh qua đơn tranh chấp của các thành viên Hợp tác xã T5, nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trang Thanh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh K nêu ý kiến như sau:

Từ năm 2008 đến trước 2017 ông Trang Thanh H có hành vi tranh chấp gây cản trở khó khăn cho 05 hộ nhận giao khoán đất rừng phòng hộ của HTX T5 trong việc thực hiện hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và gây trồng rừng, nhưng trên thực tế ông H không có trực tiếp sử dụng liên tục diện tích đất này. Kể từ thời điểm 15/7/2016 ông H mới vào san ủi, chặt phá cây của HTX T5 để xây dựng công trình nhà, xưởng nhằm chiếm đất do Nhà nước quản lý.

Tại Công văn số 04/TTKT-KT ngày 12/01/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K về việc phúc đáp Công văn số 386/UBND-ĐCXD ngày 21/12/2022 của UBND phường A thì tổng diện tích 24.278,12m² mà ông Trang Thanh H đang bao chiếm sử dụng, sau khi cập nhật tọa độ thửa đất vi phạm lên sơ đồ hiện trạng của phương án bồi thường dự án Khu tái định cư - thì diện tích nằm trong ranh giải tỏa là 22.417,55m² đều nằm trong thửa đất đã đo đạc cho Hợp tác xã T5, ngoài ranh dự án là 1.860,57m². Toàn bộ diện tích 24.278,12m² hiện nay là đất do Ủy ban nhân dân phường A quản lý theo Quyết định số 2601/QĐ- UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất, giao đất cho Ủy ban nhân dân thị trấn A tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là phường A, thành phố P).

+ Khoản 1 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

+ Điểm c Khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: Người đang sử dụng đất ổn định trong các trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều này mà không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định...

Do đó việc ông Trang Thanh H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, theo hướng: bác đơn kháng cáo của ông Trang Thanh H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về yêu cầu hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Về nguồn gốc diện tích 24.278,12m² tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ông H cho rằng nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng của ông Hồ Phương V ngày 13/7/2003 sử dụng ổn định cho đến nay năm 2005 có kê khai và có tên trên sơ đồ địa chính, thì thấy rằng phần đất này nguyên có nguồn gốc là đất rừng tự nhiên đã UBND tỉnh K giao cho Ban Q (nay là vườn Quốc gia P) tại Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998. Nhưng đã bị ông Hồ Phương V chặt phá hủy hoại rừng (theo Biên bản ghi nhận hiện trường ngày 11/7/2003, Quyết định khởi tố bị can ngày 11/8/2003 nhưng vụ án chưa được giải quyết do ông V bỏ trốn khỏi địa phương đến nay không rõ). Do đó ngày 15/3/2004, Ban Q đã giao khoán 10 ha diện tích đất rừng cho 05 cá nhân do ông Huỳnh Thành L đại diện ký hợp đồng (5 cá nhân này đã thành lập Hợp tác xã T5) trong đó có phần đất của ông Vũ N1 là của ông H với mục đích để bảo vệ rừng và gây trồng rừng phòng hộ. Trong năm 2005 và 2006, khi quy hoạch xây dựng khu tái định cư thị trấn A, thì đã có thu hồi Hợp tác xã T5. Năm 2008, giữa các hộ được giao khoán đất rừng đã xảy ra tranh chấp đất với ông H, sự việc đã được giải quyết hòa giải nhưng không thành. Năm 2012 theo chủ trương Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 thu hồi đất của Vườn quốc gia, giao đất cho UBND thị trấn A quản lý theo quy định, trong đó có phần diện tích đất của ông H.

Năm 2017, các hộ được nhận giao khoán đất rừng tranh chấp đất ông H và có đơn tố cáo, UBND thị trấn A đã lập biên bản giải quyết sự việc. Ngày 19/9/2022, UBND thị trấn A lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông H vì đã có hành vi chiếm đất và xây dựng các công trình trên đất.

Về xác định thời điểm tác động trên đất, theo Báo cáo kết quả suy giảm hiện trạng lô đất tại khu phố G, phường A, thành phố P ngày 30/11/2023 của Đoàn Viên thám Trung ương, thì từ ngày 03/01/2016 lô đất là cây lâu năm, chưa có hoạt động xây dựng hoặc san lấp mặt bằng, từ thời điểm 15/07/2016 tại lô đất có san lấp, từ ngày 10/12/2017 có nhà và ao nước; tức là theo tài liệu này xác định từ ngày 15/7/2016 ông H mới tác động và sử dụng đất. Đồng thời, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu năm 2014 là tại lần đầu trụ sở công ty Đ3 tại Tổ B đường N, khu phố B, phường A, huyện P; thay đổi đăng ký lần thứ nhất (2016) thì trụ sở đóng tại số C đường N, khu phố C, thị trấn A; đến lần đăng ký thay đổi lần thứ hai (ngày 02/11/2017) thì trụ sở công ty mới đóng tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 73, ấp G, phường A Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại phường A thì phần đất của ông H đăng ký không có tên trên sổ địa chính.

Như vậy, đủ cơ sở xác định phần diện tích 24.278,12m mà ông H đang chiếm, sử dụng xây dựng nhà, trồng cây theo Biên bản vi phạm hành chính ngày 19/9/2022 là đất của vườn Quốc gia P, sau đã giao cho UBND phường A quản lý, hiện đã thuộc dự án do Công ty TNHH H3 quản lý nhưng chưa được sự chấp thuận của Công ty TNHH H3. Vì do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND tỉnh K không ban hành quyết định xử phạt mà ban hành quyết định buộc thực hiện thực

hiện biện pháp khắc phục hậu quả vì đã có hành vi chiếm đất được quy định tại điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, là có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông H yêu cầu hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh K, là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Do ông H không tự nguyện thực hiện nên Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại khoản 36 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 38 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông H yêu cầu hủy quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông H đề nghị sửa bản án sơ thẩm nhưng không cung được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trang Thanh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trang Thanh H đúng về hình thức, nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Chủ tịch UBND tỉnh K vắng mặt có ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh N - Phó chủ tịch UBND tỉnh, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng các đương sự.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Ông Trang Thanh H yêu cầu Tòa án hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hủy quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trang Thanh H của Chủ tịch UBND tỉnh K. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Thẩm quyền ban hành các quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với ông Trang Thanh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 38, của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 87 sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Các văn bản pháp luật được áp dụng trong việc ban hành các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất, và diễn biến hành vi vi phạm hành chính của ông Trang Thanh H:

Diện tích đất 24.278,12m² ông Trang Thanh H bị buộc khắc phục hậu quả và bị cưỡng chế khắc phục hậu quả có nguồn gốc là đất rừng tự nhiên. Ngày 18/6/1998 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q (nay là Vườn Quốc gia P) để bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

Năm 2003 ông Hồ Phương V vào bao chiếm đất. Do đó Hạt Kiểm lâm huyện P đã lập biên bản sự việc và ban hành Quyết định số 04 ngày 11/8/2003 về việc khởi tố vụ án hình sự và Quyết định số 04 ngày 11/8/2003 khởi tố bị can đối với ông Hồ Phương V. Sau đó, ngày 15/3/2004 Ban Q kết hợp với Hạt Kiểm lâm P và UBND thị trấn A lập Hồ sơ giao khoán cho 05 cá nhân (do ông Huỳnh Thành L đại diện ký hợp đồng và 5 cá nhân này đã thành lập Hợp tác xã T5) với diện tích 10ha để bảo vệ rừng.

Thực hiện chi tiết quy hoạch xây dựng khu T định cư – khu mở rộng thị trấn A, UBND tỉnh K đã ban hành các Quyết định số 2549/QĐ-UBND và Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 26/12/2005 phê duyệt phương án bồi thường đất đai, hoa màu, vật kiến trúc, theo nội dung các quyết định này thì HTX T5 được nhận số tiền 113.634.700 đồng. Đến ngày 03/5/2006 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện quy hoạch xây dựng khu tái định cư thị trấn A.

Ngày 11/5/2010 Thủ tướng Chính ban hành Quyết định số 633/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 thì diện tích đất này không còn nằm trong diện tích rừng phòng hộ. Theo đó ngày 14/12/2012 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2601/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND thị trấn (nay là phường) An Thới quản lý.

Năm 2016 ông Trang Thanh H vào chiếm toàn bộ diện tích đất, chặt phá, trồng cây trên đất, san lấp mặt bằng và xây dựng trái phép các công trình trên đất, nên ông Nguyễn Thành B1 (đại diện HTX T5) có đơn tố cáo và được UBND thị trấn A lập biên bản giải quyết nhưng chưa xong.

Ngày 19/9/2022 UBND phường A lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trang Thanh H. Do thời hạn xử phạt đã hết nên Chủ tịch UBND tỉnh K không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và sau đó ban hành quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả. Các quyết định đến nay đã được tổ chức thi hành xong.

Như vậy, ông Trang Thanh H sử dụng diện tích đất 24.2768,12m² là thuộc quyền quản lý của UBND phường A (hiện nay đã được Ban Q chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư giao cho Công ty TNHH H3 thực hiện dự án)

quản lý để sử dụng vào mục đích đất thương mại không được sự đồng ý của tổ chức có quyền sử dụng đất. Đây là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ông H không có một trong các loại giấy tờ quy định tại 50 của Luật Đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ). Giấy viết tay mua bán thành quả lao động trên mặt đất (trong khi đất này ông V là người hủy hoại rừng bị khởi tố vụ án và khởi tố bị can đã bỏ trốn khỏi địa phương đến nay) là không hợp pháp. Việc ông H cho rằng sử dụng đất ổn định từ năm 2003 cho đến nay, trụ sở Công ty được thành lập tại vị trí đất này từ năm 2014 là không đúng với thực tế. Bởi vì căn cứ vào Báo cáo kết quả suy giải hiện trạng lô đất ngày 30/11/2023 ban hành kèm theo Công văn số 193/CV-ĐVTTW của Đài Viễn thám Trung ương thuộc Cục V1 thể hiện ông H vào sử dụng làm thay đổi hiện trạng từ tháng 7/2016; trụ sở Công ty đăng ký lần đầu ngày 18/8/2014 có trụ sở tại tổ B, Nguyễn Trường T4, khu phố B, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 02/11/2017 đăng ký thay đổi lần thứ 2 trụ sở mới dời về tại Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 73, ấp G, phường A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Như vậy, mặc dù ông H có sử dụng đất một thời gian, tuy nhiên liên tục có tranh chấp với Hợp tác xã T5 do đó không được coi là sử dụng, ổn định, lâu dài vào một mục đích chính nhất định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Đồng thời ông H cũng không có tên trên Bản đồ địa chính và Sổ mục kê, nên không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC; Quyết định số 824/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2023 và Quyết định số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023.

Ngày 19/9/2022 Công chức địa chính thuộc UBND phường A lập Biên bản vi phạm hành chính số 492/BB-VPHC đối với ông Trang Thanh H về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất “loại đất thương mại dịch vụ” khi đang thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai, trật tự xây dựng trên địa bàn phường A là thực hiện đúng thẩm quyền quy định tại khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Sau khi kiểm tra, đo đạc và xác minh thể hiện ông H chiếm có diện tích 24.278,12m² là có căn cứ.

Tuy nhiên, do quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND tỉnh K không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành quyết định buộc khắc phục hậu quả đối với ông Trang Thanh H là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do ông H không tự nguyện thực hiện quyết định buộc khắc phục hậu quả nên Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết số 1524/QĐ-CCXP ngày 14/6/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại khoản 36 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều

38 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[3] Do đó, Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, bác kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trang Thanh H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 74, 86, 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trang Thanh H:

- Không chấp nhận hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 824/QĐ-KPHQ ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

- Không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1524/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trang Thanh H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu

số 0006226 ngày 10/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Kiên Giang; (1)
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1)
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang; (1)
- NKK; (1)
- NBK; (1)
- NLQ; (2)
- Lưu VP (6), HS (2) T.19 (BA 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long